NĂM THỨ NĂM Số 205 Thứ năm, 20 tháng chín 194

TRI TÂN

TẠP CHÍ

1$20

THI-TÂN

NỬA GIỜ VỚI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

HỒI bốn giờ chiều 13 tháng chín dương lịch nhận được giấy bộ ngoại giao cho phép đến hầu Cụ chủ-tịch, tôi vội vàng sửa soạn đến trụ sở tạm thời của Chính phủ, cạnh phủ Bắc-bộ.

Thì ở đây tôi đã được yết kiến cụ chủ-tịch trong một gian phòng tĩnh mịch.

Đứng trước nhà ái quốc quắc thước mà hiền từ đã bôn tẩu vì nước, đã hy-sinh cho đồng bào, tôi cảm thấy cuộc hội kiến ấy là một giờ phút rất thiêng liêng trong đời làm báo của tôi, và tôi nhận thấy ở nét mặt vị thủ lĩnh cái tinh thần tranh đấu của cả một dân tộc.

Tôi cung kính thi lễ và sau khi được phép ngồi trước bàn giấy cụ chủ-tịch tôi trình:

— Bẩm cụ trước hết tôi xin cụ tha lỗi cho vì trong lúc này cụ đang bận rộn nhiều việc, nhất là việc ngoại giao, mà chúng tôi đến tâu thật là làm nhọc lòng cụ nhưng lý xét thay mặt cho một cơ quan văn hóa chúng tôi thấy phận sự phải đến.

Thấy cụ gật đầu, tôi tiếp:

— Cơ quan văn hóa chúng tôi ra đời vào năm 1941, các đồng chí tôi và tôi nhận thấy cái văn minh vật chất đã làm cho người xứ này gần như « quên gốc » nên chúng tôi chọn cái tên ở câu Luận-ngữ « ôn cố nhi Tri-Tân » muốn nhắc lại cho quốc dân đồng bào những trang sử vẻ vang, những sự nghiệp anh hùng, những phát triển về văn học để kêu gọi lòng ái quốc, trong thời Pháp thuộc, chúng tôi đã sống những phút khó khăn, rồi cho đến khi đảo chính, chúng tôi có cho phát hành một số đặc san Việt-Nam Giải Phóng, và truyền ngôn thời kỳ « ôn cố » đã qua, nay đến lúc phải theo mục đích « Tri Tân » để phụng sự tổ quốc, vậy theo tôn ý thì một cơ quan văn hóa trong lúc này có thể xu hướng hẳn về chính trị không ?

— Văn-hóa với chính-trị — Cụ Hồ ôn-tồn giả nhời — rất có liên-lạc với nhau, có Chính-trị mới có văn-hóa, xưa kia chính-trị bị đàn-áp, thì văn-hóa cũng bị đàn-áp, nền văn-hóa của ta vì thế mà không nảy nở ra được, nay nước ta đã độc-lập, tinh-thần được giải phóng, những tinh thần cố hữu mà quý báo nêu ra từ trước vẫn là tốt, nhưng hiện nay cần phải có một nền văn-hóa hợp với khoa-học và hợp cả với nguyện vọng của dân.

Các ngài đã nêu ra mục-đích « Tri Tân ». Tri Tân tức là phải có chính-trị, dân ta bao năm bị đàn áp, ngày nay cần phải có một nền văn hóa mới.

Như gần đây tại sao các sách, như những tiểu thuyết diễm tình bán rất chạy là vì tinh-thần bị trụy-lạc, suy-đồi, ta phải gây lại một tinh-thần mạnh mẽ cho dân chúng để tranh-đấu.

— Bẩm cụ, theo ý cụ thì văn-hóa Việt-nam gần đây có tiến được tí nào không ?

Sau một phút ngẫm nghĩ, cụ Hồ nghiêm nét mặt trả lời.

— Kể ra cũng không hẳn là tiến, ví như ngài trông thấy ngọn đèn điện sáng, con đường rộng giải rựa, họ đặt đèn sáng cốt cho họ trước, làm đường rựa cốt cho xe ô tô của họ đi, chứ nào đồng-bào có được hưởng gì đâu, chẳng qua chỉ là cái « cặn-bã » mà thôi, tuy trong mấy năm gần đây có ít nhiều thanh niên du học thanh tả nhưng cũng chưa vẫn là một bằng chứng của sự tiến hóa.

Đến đây tôi có đưa trình cụ những số đặc san đã xuất bản, cụ lần giở xem qua, đến số « Trần hưng Đạo » cụ nói.

— Đây là để gây lòng ái quốc !

Đọc những cái đầu bài « Gnia rẽ là diệt vong » và « Chiến đấu » ở hai số Tri Tân vừa ra cụ tủm tỉm cười nói:

— Đây các ngài đã bắt đầu làm chính trị rồi, tức là các ngài thi hành thời kỳ tri tân đó !

(Xem tiếp trang 17)

NGÀY ĐỘC-LẬP

Thơ ta yêu qui nước nhà
Thảnh-thơi có lúc ngỏ ra mấy nhời
Rằng : ngày độc lập đẹp giời
Mênh mông nước chảy sông người xiết bao.
Lặng yên chẳng chút ồn-ào ;
Rừng cờ phấp phới gió chào ngả nghiêng.
Ban thờ Tổ-quốc thiêng-liêng
Ba Đình vườn rộng dành riêng giữa bầy.
Lò hương nghi ngút khói bay ;
Sử xanh phảng phất được đầy vinh hoa,
Dâu tâm cầu nguyện thiết tha ;
Quốc hồn sinh hoạt phô ra ngập ngừng.
Xướng ca âm nhạc tưng bừng,
Việt Nam muôn tuổi ! Vang lừng gần xa
Tương lai vận mệnh nước nhà
Tự mình lo đã, rồi ra nhờ giời.
Có công chịu khó sắt mài
Nên kim ngày ấy vậy thời lạ đâu ?
Nền văn hoá của Mỹ Âu
Đời đời sây đắp lâu lâu mới thành.
Các dân tiến tiến vốn tình ;
Việt Nam hậu tiến bước nhanh đến thì.
Từ từ nghĩ chín cùng đi
Thần tiên chỉ lối ai ghé lạc đường ?
Thợ may khéo chẳng vội vàng,
Công phu e vụng dở dang thiệt thòi.
Sự gì cần thiết hợp thời,
Tai nghe nhẽ phải mắt coi rõ-ràng.
Nước nguy nên rút mơ-màng,
Cùng nhau ngự địch chúng đang dinh ngoài.
Trẻ già minh thệ một nhời,
Đã lòng ngỏ thật, phật giời chứng cho.
Nhân dân khao-khát tự do,
Mạnh giàu ta sẽ dẫn đo thuận đường
Kinh doanh xứ xứ xửa sang,
Những nguồn lợi nhớn mở-mang dồi dào,
Các vùng bể rộng non cao
Của giời đấu đó còn bao chưa tìm !
Bách khoa tri thức xét xem,
Phần to ích nước góp thêm ít nhiều.
Bây giờ ghê gớm nạn nghèo !
Cơ hàn ác lựa hùm beo thịt người.
Các môn học vấn hỡi ơi !
Tinh nhanh phương thuốc tìm tòi cứu dân.
Canh nông súc mục đều cần,
Lo dân áo mặc cơm ăn có thừa,
Thôn quê nhiều vẻ nên thơ ;
Mùa màng gặt hái sớm chưa gánh gồng
Lúa vàng phủ khắp cánh đồng ;
Vườn rau xanh tốt pun rồng lắm cây.
Bỗng mùa thường bận chân tay,
Mắt vui khi thấy thảng đầy quả ngon.
Say-sưa thổ thẻ nỉ non
Nắng mưa lặn suối chèo non chẳng từ.
Bút nghiên bớt vỡng bàn cờ ;
Trâu bò rố gắng cầy bừa cứ chăm.
Bách công chuyên việc dễ âm,
Học rồi nhưng có thử làm mới hay.
Ngược xuôi buôn bán đó đây,
Ta cùng ngoại quốc sau này sen vai.
Lắm làng nước lụt mong lui ;
Bắc kỳ đường sắt các nơi ước liền.
Ngày ngày công nghiệp tiến lên.
Thể thao ta nghĩ chẳng quên tập tành.
Làng cung kiếm, việc nhà binh
Giữ-gìn Tổ quốc thân vinh vô cùng.
Muôn dân một ý một lòng.
Đường đời sát cánh ta cùng với nhau.
Khôn ngoan trông trước tính sau
Cộng hoà hạnh phúc bền lâu vững vàng

Hà-nội ngày 2-9-1945
THỊNH QUANG *khai bút*

Cuộc hội-đàm giữa Cụ Hồ chủ tịch

với ba đại biểu liên đoàn Văn Hóa

Năm giờ chiều hôm 7 - 9-45 ban quản trị lâm thời đoàn Văn hóa bắc bộ đang họp tại nhà Văn hóa (hội Khai Trí Tiến Đức cũ), thì có tin điện thoại của bộ ngoại giao cho biết rằng cụ Hồ chí Minh chủ tịch chính phủ lâm thời muốn hội đàm với đại biểu Đoàn Văn hóa khoảng 19 giờ.

Ba anh Trương Tửu, Thượng Sỹ, Nguyễn đức Quỳnh, do anh Nguyễn hữu Đang hướng dẫn, lên bắc-bộ phủ để yết kiến cụ Hồ chủ tịch.

Biết tiếng cụ đã lâu, lần đầu được gặp cụ trong bộ y phục quá dản-dị, chúng tôi không dấu nổi sự cảm động; Nét mặt gần guốc đôi mắt quắc thước, bộ diệu hồn nhiên bộc lộ một tinh thần tranh đấu cương quyết và một tâm hồn nhân đạo, chân thành.

Sau mấy lời giới thiệu của anh Nguyễn hữu Đang, anh Trương Tửu nhân danh chủ tịch Ủy ban Văn hóa lâm-thời bắc bộ Việt nam, chào mừng cụ Hồ, tán thành cuộc cách mạng dân chủ vừa đắc thắng và đặt lòng tin nhiệm vào tài năng sáng suốt của cụ trong công việc lãnh đạo dân tộc trên đường giải phóng.

Lời nói thẳng thắng và dành dọt, cụ Hồ cảm ơn anh em trong giới Văn hóa.

— Theo ý riêng của tôi, lời cụ Hồ nói, trong sự giải phóng dân tộc và kiến thiết một nước Việt nam mới nhiệm vụ của các ngài trong giới Văn hóa cũng rất là nặng nề quan trọng. Dân tộc chúng ta đã bước sang một giai đoạn mới tất nhiên phải có một chính thể mới và một văn hóa mới. Khi chúng ta còn bị nô lệ thì văn hóa của chúng ta cũng mang nặng những dấu tích nô lệ. Bây giờ độc lập, văn hóa cũng phải có những dấu tích độc lập. Phải độc lập trước đã rồi văn hóa mới phát triển được. Dân tộc còn bị áp chế, hàng triệu đồng bào chúng ta vẫn còn chết đói đầy đường thì các ngài văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, các ngài có thể ngồi trong những tháp ngà mà sáng tác được không. Tôi mong rằng các ngài trong giới văn hóa nhận lấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là: củng cố nền độc lập của Việt nam sửa soạn gây dựng cho đất nước một văn hóa mới. Ta phải làm thế nào cho văn hóa Việt nam sẽ chiếm được một địa vị trong nền văn hóa thế giới».

— Thưa cụ, lời anh Trương Tửu đáp lại. Toàn thể anh em trong giới văn hóa chúng tôi, bao lâu nay, vẫn sống trong sự áp bức ngột ngạt của chính sách thực dân. Tuy vậy dù cường quyền áp bức đến bực nào, anh em chúng tôi cũng vẫn cố gắng vươn đến một ánh sáng, vươn đến độc lập và tự do. Ngày nay sự giải phóng của dân-tộc đã thực hiện một phần rất lớn. Cái ánh sáng tự do cần thiết cho sự phát triển của Văn hóa mà chúng tôi hàng khao khát đã nhờ sự giải phóng ấy mà bắt đầu tưng bừng cho nên đối với chúng tôi, tranh đấu cho nền độc lập của nước nhà trong lúc này cũng tức là tranh đấu cho sự giải phóng của nền Văn hóa Việt-nam.

Cụ Hồ chủ tịch gật đầu tỏ ý bằng lòng:

— Bổn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng của quốc dân, tranh đấu cho nền độc lập và kiến thiết một nền văn hóa mới. Cái văn hóa mới này cần phải có tính cách khoa học, tính cách khoa học tính cách đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại.

Cụ nói tới đây, thì anh Nguyễn đức Quỳnh xin phép cụ trình bày một vài ý kiến:

— Thưa cụ, lời anh Quỳnh nói, cụ đã nói đến tính cách khoa học của văn hóa mới, chúng tôi xin đề cập đến sự hợp tác của các nhà kỹ thuật chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia. Theo chế

chúng tôi nhận xét ít lâu nay thì các nhà kỹ thuật chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia. Hình như vẫn còn chút ít ngần ngại khi muốn hợp tác với chính phủ để thi thố tài năng của mình. Họ là những người sống bằng kỹ nghệ và chỉ muốn làm việc cho kỹ thuật. Họ muốn được quyền đứng ngoài những xu hướng chính trị của đảng phái để phụng sự tổ quốc.

Mắt cụ Hồ sáng hẳn lên. Cụ với tay cầm quản bút ghi trên một tờ giấy để trước mặt cụ (chúng tôi thấy cụ ghi bằng chữ hán) cụ đặt quản bút xuống châm rãi nói :

— Tôi nhờ ngài thanh minh với tất cả những anh em trong giới kỹ thuật chuyên môn rằng: nước Việt Nam không phải của Việt Minh. Nước Việt Nam là của quốc dân Việt Nam Chính phủ lâm thời hiện thời này không phải là Việt Minh mà là của toàn thể quốc dân.

Cụ ngừng lại, giơ tay phải lên như muốn xua đuổi một điều ngộ nhận của nhiều người đối với, chính phủ, và nói tiếp :

— Đấy ngài xem... Trong chính phủ lâm thời có cả vua, quan lại cũng có địa chủ cũng có nông dân cũng có công nhân cũng có. Đây là, một chính phủ liên hiệp quốc gia, không có màu sắc quốc gia nào lấn áp cả. Lúc này bất cứ người nào miễn là có tài và đừng phản cách mạng là có thể phụng sự được quốc gia tổ quốc. Trong lúc chung quanh mình bao nhiêu người đói khát, mình có thừa thóc gạo mà lại cứ giữ bo bo lấy một mình thì thật là đáng chê trách. Người có tài cũng như người có nhiều thóc gạo, phải đem mà giúp ích cho đồng bào. Nếu có thể mà lúc này không đem tài năng ra phụng sự quốc dân thì không những quốc dân có quyền chê trách mà ngay đến chính người có tài đó cũng phải chê trách.

Chừng như có một ý kiến mạnh mẽ gì mới nảy ra trong óc cụ mắt cụ bỗng trở nên hân hoan và nghiêm trọng. Đôi mắt cụ như lắng sâu vào trào lưu tiến hóa của lịch sử Và cụ hỏi

— Thật chưa bao giờ dân nước chúng ta có một sự đoàn kết rộng đến thế Bổn phận chúng ta ngày nay — bổn phận của các ngài là làm sao cho sự đoàn kết rộng ra, càng ngày càng sâu xuống phải củng cố sự đoàn kết ấy cho nó bắt rễ xuống, cho nó bền chặt mãi....

Cụ ngừng lại, cảm động gian phòng yên lặng.

Sợ mất thêm nhiều thì giờ của cụ, anh Trương Tửu liền trình đại cương công việc của đoàn Văn hóa bắc bộ việt nam đang tiến hành :

1·) Tổ chức cuộc trưng bầy văn hóa.

2·) Dự thảo một trương trình của tuần lễ Văn hóa

3) Vận động đại hội nghị « toàn quốc » Văn Hóa

Nghe nói tiếng « toàn quốc » cụ Hồ gật đầu :

— Đại hội nghị toàn quốc văn hóa .... phải phải làm thế mới được. Từ trước đến giờ, chính sách thực dân Pháp đã chia rẽ chúng ta nhiều lắm rồi. Tôi mong rằng các ngài cố gắng làm được như thế tổ chức mau chóng cuộc đại hội nghị Văn hóa toàn quốc, gây được mối liên lạc mật thiết của quốc dân và Văn hóa — Chính phủ sẽ giúp đỡ các ngài những phương tiện để thực hành công việc đó.

Câu chuyện đã kéo giài hơn một tiếng đồng hồ. Ông Võ nguyên Giáp, bộ trưởng bộ nội vụ mở cửa phòng bước vào, rút đồng hồ ở túi ra ghé tai cụ Hồ bảo thầm.... Chúng tôi đoán rằng Cụ sắp phải tiếp đoàn đại biểu của giới khác, vội đứng dậy. Anh Trương Tửu thay mặt anh em trong đoàn Văn hóa cảm ơn cụ một lần nữa. Cụ cũng đứng dậy, nhờ chúng tôi chuyển lời chào của cụ đến tất cả anh em trong đoàn Văn-hóa, và ngỏ ý mong anh em đoàn kết chặt chẽ với quốc dân để cùng tranh đấu cho sự giải phóng dân tộc.

Sau khi bắt tay cụ Hồ Chủ Tịch, chúng tôi lui về, trong óc chan chứa cảm tình thành-thực và tín nhiệm đối với cụ Chủ Tịch Chính phủ lâm thời.

Đoàn Đại Biểu

UỶ BAN VĂN-HÓA LÂM THỜI BẮC BỘ VIỆT NAM

Ai là tác giả

Bô thần quốc âm ca?

NHÂN đọc «chung quanh việc khởi nghĩa Bãi sậy» của bạn Tiên Đàm trong Tri Tân 195, hai chữ «Tán Thuật» nhắc tôi nhớ lại «Bô thần quốc âm ca», một bài hát tôi đã học thuộc lòng từ năm lên tám tuổi.

Còn nhớ hồi ấy tôi mới vỡ lòng học chữ Nho được nửa năm thì thầy tôi mất, cậu tôi — ông Huấn Phú Khê — đem tôi về nuôi dạy, cậu tôi yêu tôi lắm, cứ hễ xong buổi học tối là tôi rửa chân chèo lên giường nằm với cậu. Nếu tôi chưa ngủ thì cậu tôi lại dạy tôi học những bài thơ, bài phú, bài ca bằng quốc âm, hoặc của cậu tôi làm, hoặc của các ông khác. Bô thần quốc âm ca, là một trong số các bài tôi đã nằm mà học. Theo cậu tôi thì là của ông Tán Thuật, một Lãnh tụ đảng Bãi sậy, khởi nghĩa đánh nhau với giặc Pháp, sau thua chạy sang Tàu, rồi sang Nhật, ông làm bài này hồi Nga Nhật chiến tranh, do một bạn đồng du đem ngầm về nước cho các văn thân. Bài này, lẽ tất nhiên là cậu tôi chỉ dạy truyền khẩu cho tôi học thuộc lòng, chứ không viết ra, vì sợ họ vớ được thì tù, cậu tôi đã sẵn cái «án văn thân», nên vẫn dặn tôi, không được đọc bài ấy trong khi có khách lạ. Một bài học thuộc lòng từ lúc còn tấm bé, mươi 40 năm nay mới ôn lại, tôi chỉ còn nhớ được đoạn đầu và một đoạn dài về cuối, vậy cũng xin chép ra đây để kính chất cùng độc giả, vì có người bảo là của Kỳ ngoại hầu chứ không phải của Tán Thuật. Ai là tác giả, xin các bậc thức giả chỉ giáo và có chỗ nào nhầm lẫn xin bổ chính cho.

THI NHAM

Đoạn đầu :

Á-tế-Á năm châu là bậc nhất,
Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn
Cuộc đời mở hội Doanh-hoàn,
Anh-hùng bốn bể giang san một nhà.
Ngẫm từ thuở Âu-la tìm đất,
Vượt Chi-na qua Nhật đến Triều-tiên.
Tiêm-la, Diến-điện gần liền,
Cao-man, Đại-việt thông miền Ai-lao,
Thịt một mảnh trăm dao xâu xé,
Chiếc kim Âu chẳng mẻ cũng khôn lành
Tôi con Pháp, tớ thày Anh,
Nên hơi Đại-Đức nép mình Cường Nga.
Gương Ấn độ có xa đâu đó,
Chẳng máu đào cũng họ da vàng,
Mênh mông một dải Đông-dương,
Nước non quanh quất trông càng thêm đau.
Cờ tự lập đứng đầu phất trước,
Nhật-bản kia vốn nước đồng văn,
Thái đông nổi hiệu duy-tân,
Nhật hoàng là đấng anh quân ai bề.
Giống thần võ rõ ràng về một họ,
Vầng phù-tang sơi tỏ gốc trời.

. . . . . .

. . . . . .

(quên mất một đoạn khá dài, ai biết xin bổ cho, đa tạ)

(Xem tiếp trang 18)

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 7

TRÚC-KHÊ

***

Năm Tự-Đức thứ 21 (1868) Vũ Phạm Khải về kinh, gặp kỳ thi đình, sung vào chân duyệt quyển, rồi được thăng lâm Hàn lâm chưởng viện, Thị-Độc Trực học-sĩ, vẫn sung toản tu ở sử-quán. Năm ấy gặp tiết tứ tuần Đại-khánh, phàm những chiếu biểu, phần nhiều do tay ông viết, vua xem rất lấy làm xứng ý. Ông lại soạn bài biểu sang cống Yêu-kinh, vua khen là chỉ một câu *Phục Dĩ* ở đầu, đã bao gồm cả được ý của toàn thiên. Sứ bộ sang Tàu có viên quan Phủ-chính nhà Thanh hỏi thăm về bậc danh thần giỏi chữ nước ta, viên ấy phó-sứ Hoàng Tinh nói ngày trước có ông Trương quốc Dụng, ngày nay có ông Vũ Phạm Khải. Hỏi ông Khải hiện làm quan gì, nói làm quan ở viện Hàn-lâm và ở Sử-quán. Viên phụ chính tưởng thế là ông Khải làm quan to lắm, vì theo chế độ nhà Thanh, người nào làm quan mà không sung vào viện vào quán thì không cao quý, có biết đâu ở ta, những chức đó chỉ là chức nhàn tản mà thôi. Ông tuy có văn tài xuất sắc buổi ấy, được vua Dực Tôn rất để ý yêu vì, song có lẽ vì tính ông thiếu sự nhu thuận, nên không được nhà vua đại dụng. Một lần có người tâu với vua, bảo Vũ Phạm Khải mỗi khi soạn nên được bài chiếu biểu gì, lại nói là phải ta khó ai làm nổi. Vua nghe nói lấy làm khó chịu.

***

Năm thứ 22, ở tỉnh Bắc-ninh có giặc, Vũ phạm Khải phụng phái ra giúp việc an phủ ở tỉnh Ninh-bình. Tháng 8 đến tỉnh, thân đem binh dũng đi khắp các miền Nho-quan, Lạc-yên, truyền thị uy đức của triều-đình nhân dân rộn rịp kéo ra đón tiếp, toàn cảnh được yên ổn vô sự.

Tháng 2 năm sau, phụng chỉ quyền lĩnh chức Bố-chính sứ tỉnh Thái-nguyên. Tháng 3 lên đến lỵ-sở. Thái-nguyên là một tỉnh nhỏ ở ngoài biên, sau mấy năm giặc giã nhiễu nhương, trăm việc đều khó, ông đến nơi, tha những thuế thiếu, khoan việc phu dịch, giúp kẻ cô cùng, một vài tên giặc còn lẩn trốn thì dùng cách chiêu phủ. Trong khoảng vài tháng, tỉnh hạt được ninh thiếp. Quan Thống-đốc Binh-khấu đại tướng-quân bấy giờ là Đoàn thọ đóng ở tỉnh Thái, lấy làm ý trọng vào ông lắm, bèn dời binh sang đóng ở tỉnh Lạng-sơn chực lên có tên tướng giặc Đặng Chi-Hàng (1) từ ngoài biên đánh đồn Bằng-khẩu. Ở tỉnh hiện không có quân sẵn phái đi, ông Khải vội tư đi các nơi lấy quân về giúp. Song quân các nơi chưa về thì thế giặc đã lan đi rất mạnh, đánh đồn Ngân-sơn, chiếm đồn Chợ Dã, tin cảnh báo đồn dập đưa về. Ông Khải dò biết tên Hùng có thù với Nông Hùng-Nghĩa ở Bảo-lạc mà thân với Lương Tuấn-Tú ở Cao bằng, bèn khuyên Nông đem quân đuổi theo và giục Lương phái người chiêu dụ. Chính ông cũng viết thư gửi đến tỏ bảo mọi lẽ họa phúc, nói những tên Ngô Côn Ngô, Kinh trước kia làm loạn, nay đâu mất cả, quật cường phỏng có ích gì không? Ông lại đem hiện tình tâu và tư lên, liền tiếp được chỉ, bảo kiêm dùng cả hai cách chinh-tiễu và chiêu phủ. Lại có chỉ sai tham tán đại thần Lê Bá Thận hợp với đạo quân tuần-biên của Trần Văn Mỹ để tiễu dẹp. Đường lương bị nghẽn, ông Khải lấy địa vị là quan sở-tại theo quân đi đốc lương. Đạo binh Tham tán đóng ở đồn Chợ Mới, ông Khải đốc lương đến đồn châu Bạch-thông, cùng đóng với đạo quân Tuần-biên.

(Xem tiếp trang 10)

(1) tức Đặng Văn

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 19

Ưng-hoè NGUYỄN-VAN-TỐ

TIẾN thứ sáu trong quyển *Việt-Nam Văn học Sử yếu* nói về « ngôn-ngữ văn-tự ». Cả thiên có một chương (là chương thứ mười chín) đề là « những sự khác nhau về thổ âm trong tiếng Việt-nam » Ông Dương Quảng Hàm cho rằng « tiếng Việt nam có thể coi là một thứ tiếng có nhất trí », chỉ có « một vài điều khác nhau về thổ-âm », rồi ông chia sự « khác nhau vì nói sai viết sai », « khác nhau vì phong thổ ». Bảy trang sách của ông (từ tr. 184 đến 190) đều có ích và nói phải cả.

Duy trang 185 có mấy câu, ông Hàm nói như thế này : « Tiếng Nam xưa kia không được coi làm tiếng của chính-phủ dùng... ». Câu ấy trái với câu in ở trang 69, là câu : « hồi đức Nguyễn-Ánh còn xưng vương,... có dùng tiếng nôm làm các dụ sắc và công-văn ».

Không những khi đức Nguyễn-Ánh còn xưng vương, có dùng tiếng nôm làm dụ sắc và công văn, về sau đức Nguyễn-Anh lên ngôi hoàng-đế, đặt niên-hiệu Gia-long, cũng hãy còn dùng nôm ; hiện tôi có một bộ sách riêng chép những án tâu và công việc bộ-Lễ, Hộ, Hình, Công, xin sao một bài chiếu năm Gia-long thứ hai (1803) về việc đê đề độc-giả biết. « chiếu : Bắc-thành các xứ phủ huyện xã thôn phường quan-quân sĩ-thứ kỳ-lão đẳng, khâm tri : Hễ hưng lợi trừ hại, là vị chính chi bản ; tham chư cận cổ sở hành, chư hữu duyên cách, các tùy sở nghi. Vả, bản quốc-trị bà chư huyện xã, tòng tiền sáng lập đê lộ, phòng khi thủy lạo trường đặt, việc ấy đã nhân tuần kinh cửu, song hễ tiết giới thu lạo thường có quyết hội thì thủy-thế sở cấp địa phương, chẳng những điều hòa tầm một, dù lư xá nhân súc, điệc bị kỳ hại. Nay chúc kiến dân mịch, cũng muốn một phen đại đoạn hưng trừ. Song tưởng rằng : lập đê phá đê, các hữu lợi bệnh. Như bây giờ : một là noi theo cựu đê ấy, mà tu bổ lấy những chốn hội liệt ; một là nhân kỳ kỳ hoại, mà tính phá thành-đê, hễ đến lạo kỳ nhậm kỳ thủy thế tháng giáng. Hai lẽ ấy đường lợi hại thế nào, cũng chưa lấy đâu chuẩn đích. Nhất cử nhất động, quan hệ bất tế, ai nấy quản văn tập kiến, kỳ địa thế sở tiện, với dân tình sở xu, ắt đã chu tri lợi hại. Đặc chiếu ban hạ việc ấy, phàm hữu sở kiến, đều cho mình bạch cụ trần : hễ phủ huyện quan dĩ thượng, thì tu biền đệ tấu, nhẫn đến tổng trưởng xã trưởng, thì đều ngôn tại phủ huyện quan, nhất thể chuyển tấu đồng lãm, còn sĩ thứ kỳ lão, thì đã ban thiết công hàm nhất kiện tại Nam môn ngoại Quảng-văn-đình, như hữu sở trần việc phá đê trúc đê lợi hại ấy, các bứa đầu nạp hàm trung, dĩ bi thu lãm. Hạn tập nhật dĩ lý, kỳ trung thực lợi thực hại, hoặc lợi, đa nhi hại thiểu, hoặc lợi thiểu nhi hại đa, với sở dĩ trí lợi trí hại chi đo, nhất nhất điều trần, vụ tại phầu tích, tường tận kỳ sở ngôn, thiết đáng thời vụ khả đề vu hành, tức hữu tinh thưởng, dĩ xứng trẫm cầu ngôn chi trí ý. Khâm tai, đặc chiếu. Gia long nhị niên, thập nguyệt nhị thập nhật ».

Bài này tuy là nôm, nhưng dùng nhiều chữ nho quá, người không học chữ nho không thể hiểu nghĩa, nên tôi dịch ra một bài toàn tiếng nôm như sau này :

« Ban chiếu cho các quan, các lính, học-trò, dân trai và những người già cả ở các xã, thôn hoặc phường trong các phủ huyện thuộc các xứ (cũng như các tỉnh) ở Bắc-thành biết rằng : Hễ việc gì có ích-lợi thì làm, việc gì có hại thì bỏ đi, ấy là cái gốc chính-trị đó, so với việc làm gần đây, điều gì nên theo điều gì nên đổi, đều tùy công việc mà làm. Vả, các làng, các huyện, phải làm về việc nước sông của nước ta, từ trước sáng lập ra

đường đê, phòng khi nước lụt đầy dẫy lên : việc ấy noi theo đã lâu. Nhưng hễ đến mùa lụt tháng bảy, thường có đê vỡ thì cái nước ấy tràn vào địa phương nào, không những là ngập mất lúa cấy, đến cả nhà cửa, người và giống vật, cũng đều bị hại. Nay Trẫm đã xét thấy cái khổ của dân cũng muốn một phen ra tay làm việc ích-lợi trừ bỏ việc hại cho hết.

Song nghĩ rằng : việc đắp đê hay phá đê đằng nào cũng có cái lợi cái hại, như bây giờ : một là noi theo đê cũ, mà tu bổ lấy những chỗ vỡ ; một là nhân khi đã vỡ mà phá luôn cả những khúc đê chưa vỡ, để đến mùa nước lên, mặc kệ cho thế nước lên xuống. Hai lẽ ấy lợi hay hại thế nào, chưa lấy gì làm chuẩn đích. Hễ làm ra, thì quan-hệ rất lớn. Ai nấy đã quen nghe quen thấy, địa thế thế nào cho tiện, và dân tình muốn thế nào, hẳn đã biết rõ. Trẫm ban chiếu riêng về việc ấy : phàm ai có sở-kiến gì, đều cho điều-trần minh bạch, các quan từ phủ huyện trở lên, làm biểu đệ tấu, đến tổng-trưởng, xã-trưởng, thì bài điều trần ấy đưa ở phủ huyện, để chuyển tâu một nơi. Còn học trò, dân gian và kỳ lão, thì đã đặt một cái hòm ở Quảng-văn đình ngoài cửa Nam : nếu ai điều trần về việc phá đê, đắp đê lợi hại thế nào, đều cho bỏ cả trong hòm ấy, để thu lại xem xét. Hạn mười ngày là cùng. Trong đó điều gì lợi, điều gì hại, hoặc lợi nhiều hại ít, hoặc lợi ít hại nhiều, với cái duyên cớ lợi hại tại làm sao, điều trần rõ ràng từng ly từng tý, cốt phải tách bạch cho hết. Ai nói được thiết hợp hời-vụ, có thể làm nổi, sẽ có khen thưởng ngay, để tỏ cái chí-ý của Trẫm cầu lời nói phải. Nên kính cẩn lời chiếu này. — Ban xuống ngày 20 tháng 10 năm thứ 2 hiệu Gia-long ».

Xem như bài chiếu này và bài của Trịnh-Kiểm giao cho người nhà đã đăng *Tri-Tân* kỳ trước (số 182) thì biết rằng : văn nôm của ta chỉ khác văn Tàu là dùng tiếng nôm mà thôi, còn lề-lối cách thức đều theo văn Tàu cả ; vì thế cho nên trong bài phối-thai hãy còn dùng nhiều chữ nho, một là tiếng nôm chưa đủ dùng, hai là giọng văn nôm chưa hóa. Đến câu ông Hàm nói (cũng ở trang 185) : « ở các trường không dạy (tiếng Nam), các học giả không để tâm nghiên cứu » cũng không phải. Tuy ở các trường không dạy thật, nghĩa là không dạy làm lối văn nôm để đi thi, nhưng ta có một lối không phải đem giảng cho học trò mới là dạy : một ông đồ nào đó làm một bài văn hay bài thơ, đưa cho một ông tú hay ông cử chấm, thế là học nhau dạy nhau đấy. Xem như trong sử chép truyện Nguyễn Thuyên và Nguyễn sĩ Cố có những chữ « nhân đa biệu chi » nghĩa là « nhiều người bắt chước » : bắt chước tức là học nhau, nếu không học nhau thì lấy đâu có những bài kinh nghĩa, văn sách và phú rất hay, như bài của cụ Lê quý Đôn, lấy đâu có những ca và ngâm khúc rất tao luyện như truyện *Kiều* và *Cung oán ngâm khúc* (những văn của Cụ Lê quý Đôn chắc độc giả biết cả, nên bài [illegible] phải trích ra đây). Ông Hàm trách học giả không để tâm nghiên cứu cũng nhằm : chính các cụ học nhau tập nhau, là nghiên cứu, chứ văn nôm ngày xưa đã có gì làm nhiều mà phải nghiên-cứu như lối bây giờ.

Còn đến câu ông Hàm nói « Ai nấy cứ theo thói quen từ thuở nhỏ mà nói, cứ thuận miệng mà đọc, không chịu dấn-do cẩn-thận, nên có những âm thanh vì thế mà sai lạc đi, thành ra nơi này khác với nơi nọ ». Câu ấy nói hơi quá : tục-ngữ ta có câu « ăn có nhai, nói có nghĩ », lại có câu « học ăn, học nói, học gói, học mở, », thế thì cái khoa nói của các cụ tiền-bối, không phải là « không chịu dấn do cẩn thận ». Còn cái thói quen thuận miệng mà đọc, là do thổ âm từng phương, chứ không phải tại « không chịu dấn do cẩn thận ». Vả lại, đương hồi này là hồi cần thêm nhiều tiếng, thì những tiếng thuận miệng ấy, tuy không quen nghe, nhưng cũng nên dùng để cho giàu tiếng. Phàm tiếng nói, thường tỉnh này đến tỉnh kia đã khác nhau, ở phương đông sang phương nam đã khác nhau : cái đó không lấy gì làm lạ. Cả phong-tục cũng theo tiếng nói mà khác nhau ; các nước phương tây cũng thế ; ngay như chữ Hán cũng phân ra nào quan-thoại, nào tiếng Quảng-đông, Quảng-tây, Phúc-kiến, v. v., biết bao nhiêu thứ tiếng.

Vậy thì đoạn sách ở trang 185 nên xoá đi.

(Còn nữa)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

VŨ PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 7)

Rồi ông tiếp được bức thư của Chí-Hùng bằng lòng nhận sự ông bàn với Nguyễn văn Vỹ rồi viết thư giả nhời, hỏi xem bắn muốn xin những gì. Chợt Trần văn-Mỹ đem quân tiến đến đồn phủ Thông-hóa, ông Khải trách hỏi rằng :

A— Tôi gửi thư chiêu hàng, ông đem quân đi đánh, phỏng có khác gì Hàn Tín với Lịch Tự-Cơ ?

Ông Mỹ nói :

— Cần phải trương thanh thế như vậy thì nó mới mau về hàng, không hại gì cả.

Ông Mỹ bèn cứ việc hầm rộ kéo đi, thừa hư đến đánh đồn Trà-lệnh của giặc. Giặc tức giận đem 4 đạo quân đến Văn Mỹ, thất lợi phải rút về đồn phủ. Giặc kéo đến vây đồn Na-cù. Văn-Mỹ sai Lãnh Văn, Lãnh Chất đến đốt chụi đồn ấy; thu những quân tinh tráng về giữ đồn phủ (Thông-hóa), còn quân ốm yếu, sai Lãnh Khoa đem về đồn Châu (Bạch-thông). Lãnh khoa trong khi dẫn quân về, dọc đường bị giặc đuổi theo, đến ngoài đồn, giặc dàn ra bao vây bốn mặt, đánh vào rất gấp. Bấy giờ ông Khải ở trong đồn, đem quân phòng giữ và tự đi các nơi cầu quân cứu viện. Sau hơn 10 ngày, vẫn chẳng có viện-binh vào đến.

Ông đem những tinh binh của mình ở trong trại giặc, thảo sớ để về. Vua nghe tin cảm thương có châu phê mấy đều như sau

— Tìm cách cứu về.

— Trẫm không thể bỏ kẻ lão thần tức-nho.

— Lòng tinh thành có thể cảm hóa, cho được trở tài biện thuyết giỏi.

— Nên từ bên trong mà biện thuyết mới là tay gỡ bành quyền.

Vua lại ban cho ông áo để mặc rét.

Đụ sang đến nơi, giặc Chí-Hùng đem quân đón ông Khải đem đến Chợ Đã. Ông đến Chợ Đã, bấy giờ khi đồn phủ Thông-hóa cũng bị vỡ mà ông Trần văn Mỹ cũng bị bắt rồi. Ông Khải lên lục vấn lời ở những bức thư trao đổi trước, khuyên Đặng Chí Hùng nên về hàng thuận với Triều đình. Chí Hùng nói sự hàng thuận chính là chấp tam, còn những việc đánh chiếm các đồn gần đây, chỉ là vì cớ quan quân đã đánh đồn Trà-lệnh, nếu ông đến sớm thì sẽ không có chuyện gì cả. Sau khi đã điều đình dẫn xen với giặc, ông Khải viết giấy tư trình vô tỉnh, nhưng đợi mãi vẫn chẳng thấy tỉnh-thứ (1) giả nhời. Mãi, sau có quan Thống-đốc mới là Hoàng Kế-Viêm (2) đến Thái, viết tờ phúc tư gửi lên Chợ Đã, bấy giờ cuộc chiến phủ mới thôi. Ngày 18 tháng 12, ông Khải từ trại giặc ở Chợ Đã ra về thu lại ba đồn Bạch-thông Thông-hóa Chợ-mới và giải về những quân lính, voi ngựa và súng ống của các đạo quân khác bị mất. Ngày 25 về đến Chợ mới, có Bố-chính mới là Phạm chí-Hương đón tiếp và cử lính tỉnh lên đón. Ngày 27 về đến Thái-nguyên. Tính cái thời gian ông Khải bị cầm giữ ở trong trại giặc trải 5 tháng giời (năm ấy nhuận tháng 10).

***

Ở Thái đợi mệnh vài tháng, ông Khải nhận ấm trở về quê dưỡng ở quê nhà. Tháng 5 năm Tự đức thứ 24 (1871), tập cứu-nghĩ của quan Thống-đốc Hoàng Kế-Viêm đệ lên, nói việc Vũ phạm Khải có sự-trạng thực, không có điều gì ám muội. Hoàng-thượng cân nhắc tình lý, gia ân chỉ giáng bậc cấp lưu, cải bổ làm chức Hình-bộ tả thị-lang, kiêm sung Toản-tu ở Sử-quán

Tiếp được mệnh mới, ông Khải lại đến quan thứ tỉnh Bắc để từ biệt. Quan Thống-đốc Hoàng muốn lưu lại giúp việc, nhưng ông nói

— Cái thân sống sót ở trong vòng Huân chết này, muốn được một lần về bái mà [illegible] ra khuyết thì mới yên lòng.

Thượng ngày tháng 8, từ quê nhà khởi hành vào kinh, dọc đường vì mưa lụt mà phải trì trệ. Đến tỉnh Nghệ dâng sớ xin từ việc bộ Hình. Vào đến Kinh-đô, mới biết là mình đương bị bọn các quan Ngự-sử dâng sớ đàn-hặc, trong sớ kết buộc nhiều điều rất quan hệ.

Nguyên bọn người đàn hặc này là Thự Hình-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn văn-Tuyển, Nam nghĩa ngự-sử Lê Lượng, Lại-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn trọng Hiền, Hà-nam ngự sử Mai văn-Chất, Sơn-Hưng ngự-sử Lê trọng Lượng, Bình-Phú ngự-sử Trần văn-Tiến, Hà-nội ngự sử Lê văn Tiếu đều là những người chẳng ưa gì Vũ phạm Khải, nhân

tiếp được một tập của bọn các ông Lê Bá-Thận, Nguyễn Huy-Du, Trần văn-Mỹ ở nơi quân-thứ gửi về, trong đó thu thập những lời cung của bọn quân thua tàu tán, đều là lời thêu dệt vào tội cho ông Khải cả, bèn cùng nhau liên thanh dâng sớ đàn hặc. Trong sớ đại khái nói :

« Vũ phạm Khải là người đọc sách mà không biết chữ tiết nghĩa. Chuyến ấy đồn châu thất thủ bị bắt, đã không biết lấy một cái chết để đền báo lại còn đem cái thân đội mũ mặc áo của Triều-đình mà cùng ngồi ăn uống với giặc. Người có nhậm tâm mà lại như thế ư ? Nói rằng đến Chợ Dã để biện-thuyết chiêu-an, chẳng qua chỉ là mượn đó để che đậy tội lỗi. Vả cùng là bị bắt, sao Trần văn-Mỹ thì phải nằm ngồi trên cỏ. Vũ phạm Khải lại vẫn được vỗng lọng như thường ? Trang đó tất là phải có sự luồn cúi lạy lục. Kẻ ấy sống về, đãi cho được khỏi chết đã là may lắm, há còn nên cho đường đường liệt vào hàng ấn quan v.v. ».

Việc giao đình-nghị, rồi do Lại-bộ thượng-thư Nguyễn Tri-Phương cứu xét. Ông Khải có viết lời khai rất tường tế, chống lại những lời đã buộc tội cho mình. Nhưng trong khi án xét chưa xong thì tháng 12, ông mắc phải chứng sốt, lúc nóng lúc lạnh. Trong khi ốm, chiêm bao thấy ông Trương Đăng-Quế, ông Phan Thanh-Giản cùng 2, 3 người bạn đã mất, bảo làm bài thơ ngũ, thơ làm xong thì tỉnh dậy. Ông nói :

— Cái việc ngày nay, có vẽ nên phó cho một giấc ngủ chăng.

Sau đó bệnh càng nặng thêm, rồi đến ngày 22 tháng ấy ông mất, thọ 65 tuổi.

Vua Dực-tông nghe tin, động lòng thương tiếc ngài có châu phê rằng :

« Không phải thoát giặc, không phải xuất chinh, sao lại bỏ công trạng thực, vậy không thể so vì như lệ khác được. Quan viên Khoa Đạo nói là có lỗi, cân nhắc tình lý, vậy giáng xuống Hàn-lâm-viện thị-độc học-sĩ, vẫn sung sử-quán Toản-tu, ban cho tiền xuất bạc trăm quan. Khâm thử. »

***

Ông Khải mất ở ngụ-sở tại kinh-đô, bên mình chỉ có người vợ thứ họ Bế và mấy người học trò là Ngô quý Đồng, Nguyễn Quang v. v.. còn vợ con đều ở quê nhà. Con gái nhớn là Hạ, tức Kế-Xuân, đã đỗ tú-tài, ngày tin dữ lập tức vào kinh đón tang về nhà, rồi quan ở nhà gần một năm mới táng. Ngày táng (tháng chạp năm Nhâm-thân), các quan tỉnh Ninh-bình, Nam-định đều đến viếng đưa và phái lính tràng đến hộ đám rất long trọng. Sau khi táng rồi, vua Dực-Tông nhớ đến người cũ, ngài ngự chế bài thơ viếng. Một lần ngài cùng với quan Nội-các Nguyễn Tư Giản bàn về những tay văn-học danh-thần ở đương thời, nhân giở những bài biểu ở hạ kỳ khánh-thọ và bài biểu cống Tàu của ông Khải soạn ra xem, ngài tấm tắc ngợi khen và châu phê bởi xem những văn thơ trứ thuật lúc sinh bình truyền sao chép ra để tiến lãm. Lại phán bảo con cháu có bao nhiêu người ở, đã ai thi cử gì chưa. Sau đó mươi năm, con là Kế-Xuân được bầu cử là người yêm bát vào Kinh ứng bạch. Khi Kế-Xuân về, Hoàng thượng phán rằng :

« Cha Kế-Xuân là Vũ Phạm Khải, khi xưa vẫn được Trẫm yêu mến, vậy ban cho Kế Xuân 30 lạng bạc để người về sắm lễ cúng cha người. Còn thừa thì giúp làm lương thực của người ».

Ấy lòng vua đối với ông Khải, trước sau vẫn nhớ mến như vậy.

Trong đời ông soạn ra thơ văn rất nhiều. Cứ như năm Quý dậu niên hiệu Tự đức thứ 26 (1873), con là Kế Xuân phụng chỉ sao chép tiến lãm thì có 3 quyển thơ và 15 quyển văn. Mùa đông năm ấy, 4 tỉnh xứ Bắc kỳ thất thủ những bản con cháu còn giữ được ở nhà, bị đốt cháy mất ; mà những bản đã tiến vào kinh cũng bị thất lạc về dịp kinh thành thất thủ năm Hàm nghi Ất dậu (1885). Về sau con cháu lại có công tìm kiếm, hoặc ở những bè bạn hay học trò ông, còn nhớ được hay đã chép được, sưu tập lại thành bộ *Ngô sơn toàn tập* bây giờ. Hiện tập này gồm có 8 quyển thơ và 18 quyển văn thơ chia làm 4 tập là *Sơ tập*, *Trung tập*, *Vãn tập* và *Ứng chế tập*, văn chia làm 10 loại là *Tự thuật*,

(Xem tiếp trang 13)

1) *Thứ là thói quan quân đông. Quan quân đi đánh giặc đóng ở tỉnh, gọi là tỉnh thứ.*

2) *Người Quảng-bình, con ông Phò-mã Hoàng Kim-Sán, sau làm đến tiết-chế Bắc-kỳ đại-thần.*

Hạnh Thục Ca

của NGUYỄN - THI BÍCH

36 8

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tôn vương bèn mới chọn ngày,
Hàm nghi niên-hiệu, ban ngay trong ngoài.
Lập triều bái hạ đủ người,
Kỳ anh (1) thiếu mặt, khen tài cả gan!
Vậy nên đến nỗi chết oan,
Râu hàm vuốt ngược phòng toan khỏi nào
Làm cho thiên-hạ trông vào:
Hoàng thân còn vậy, huống bao những người!
Kinh tâm ai chẳng nép oai,
Người Tây thấy trái, thử chơi buông lời.
Làm vua, há chẳng có người?
Mà đem con trẻ thay ngôi cầm quyền?
Gia-hưng tác cả đức hiền,
Chưng nay sửa trị, lý nên ủng phò.
Vớm tình lời thử hoa cho,
Nên hư há dó, âu lo việc mình.
Nghe rằng sang (san) sát hãi kinh,
Khéo lời ngon-ngọt dỗ-dành dạ-thưa.
Đến tai Tây mới rắp ngơ
Hệ phò triều yết như xưa vỗ về...
Đã yên một nỗi Tây kia
Bấy giờ mấy kẻ hiềm nghi lo trừ.
Thương Ông Đục-đức hoàng-trừ!
Đã yên thân phận, chẳng nhờ khoan ân.
Vu cho bày đảng phỉ nhân (2)
Ý-đam (3) cấm-cố, nghiêm răn canh giờ.
Nước cơm cấm chẳng cho đưa,
Làm cho sầu-tử (4), chẳng chờ sắc ban.
Xôi thầm quân lính thở-than,
Mấu đem ăn uống, đỡ đằng khát khao.
Quyền-thần sâu hiểm nhường sao!
Bèn trao thuốc độc, đổ vào giết mau!
Bạn tình ai chẳng mày chau,
Mới ngài thái-hậu thảm sầu chi người!

Rằng «Không kiêng vị thì thôi,
«Phải chăng phó mặc, có trời với ai».
Thụy-công (5) trước đã tính rồi,
Gia hưng-công cũng họa lai tới tuần.
Chớ quen cậy dựa thân-thần,
Làm cho biết mặt, kẻo chăng kiêng gì.
Bởi người chẳng biết giữ e,
Họa sinh trước mặt, sắc mê trong lòng.
Để cho đến nỗi mắc vòng
Bắt chưng lỗi ấy khôn mong khỏi nào!
Truyền thu chức tước mão bào. (6)
Cải tòng mẫu-tính, (7) ải Lao lưu hình (8).
Thánh-từ nghe rất thương tình,
Rằng «Làm thái-quá không đành lòng ta.
Vả chăng phép trị trong nhà,
Chẳng nên bài bố, người ta chê cười.
Tước quyền thầy đã cất rồi,
Khá cho giữ phận, ngõ coi sửa mình».
Phiền tâu rằng «Phép dù khinh,
Ai là khén nỗi hóa hành trị nhân (9);
Phải cho biết phép nghiêm răn,
Sau nhờ khoan-xá (10) lần lần cũng tha».
Luống đem pháp luật dở ra,
Dẫu lời truyền dạ, ai mà khẳng (11) tuân!...
Xưa nay hễ việc quyền-thần, (12)
Đã chăm ắt quyết, nói năng đặng nào?
Một người đầy chốn ải Lao,
Một người ngục-thất đem giao giam cầm.
Thấy thôi ai cũng kinh tâm,
Phép làm thái quá, chỉ lăm thương tàn!
Thà rằng một giấc cho an,
Chẳng thà chịu nhục tân toan (13) ở đời.
Phòng sau chặn trước chẳng lơi,

Việc người nhường ấy, đạo trời nhường bao !...
Lần-tôn lo việc lớn lao,
Gửi rằng di-chiếu, chúc trao lời vàng.
Bấy nay quốc-sự phân mang,
Để lâu chậm-trễ không an tấc lòng
Phán rằng : « ấy hãy thong dong,
« Phải lo việc nước cho xong mới đành ».
Vua tôi tâu-gửi hết tình,
Xin cho việc ấy cử hành trước đi..
Hết lời khẩn lẽ cố vi, (14)
Tháng ba năm dậu, cát kỳ lần tôn.
Dụ rằng « Bày việc thêm buồn »,
Rằng « Noi lệ trước những tuồng đa nghi (15),
« Các nơi-lễ phẩm tha đi,
Lễ lòng cũng chẳng chút gì dụng đâu ».
Nghe truyền tôi chúa lo sầu.
Tâu tam lạy lục, xin thu thốn thành.
Lượng trên người chẳng vui tình,
Dẫu nhiều năn nỉ, chẳng đành doãn-du (16).
Vì lời di chúc phải cho,
Ân ban cứ lệ, đàm phu (17) xa gần.
Bốn phương trăm họ vui mừng.
Chúc cầu thành-thọ nghìn xuân tuổi dài.

Vua Kiến-phúc mất rồi, triều - đình bèn chọn ngày tôn Ưng-Lịch lên làm vua, (mồng 2 tháng 8 năm 1884) đặt niên-hiệu là Hàm-nghi, ban chiếu khắp trong triều ngoài nội. Khi lập triều-ban để bái hạ thì đủ mặt, chỉ thiếu Kỳ-anh quận - công : khen thay thật cũng cả gan ! Thế cho nên mới chết oan ; rắn hùm mà vuốt ngược thì khỏi làm sao được ! Họ (tức bọn Tường, Thuyết) chỉ cốt làm cho thiên - hạ trông vào : hoàng - thân mà không thuận cũng còn bị hại như vậy, huống chi người ngoài ! Ai thấy thế, mà chẳng kinh tâm táng đởm, mà chẳng sợ oai quyền ? Nhưng người Tây thấy trái, thử buông lời chơi : « Thiếu gì người đáng làm vua, mà lại đem con trẻ lên cầm quyền ? (quyển *Việt-sử toát-yếu*, tập đông, tờ 68 b chép khi vua Hàm lên ngôi mới mười ba tuổi). Như Gia-hưng quận-vương (Hường-Hưu) là người nhiều tuổi mà có hiền đức, đáng lẽ phò lên để sửa trị việc nước mới phải ». Người Tây ướm lời, họa may được, còn nên hay không nên, không phải việc họ. Nghe họ san-sát, lấy lạm kinh hãi, cho nên phải khéo lời ngon-ngọt. Sau họ nghe cũng êm tai, nên cũng nín lặng. Rồi cũng phò vua Hàm nghi lên ngôi, cũng triều yết như các đời vua trước. Thế là đã yên được một mặt đối với Tây. Bấy giờ mới mưu trừ kẻ hiềm - nghi. Thương thay ông Dục-đức là một ngôi hoàng trữ, sau khi bị truất ngôi, vẫn chịu yên phận ! Chẳng được gia ân khoan-thứ thì chớ, lại vu cho là vào bè đảng với giặc, rồi bắt cấm-cố ở nhà tối, canh phòng rất nghiêm ngặt, cấm không đưa cơm nước gì, cốt làm cho gầy mòn mà chết, chứ chẳng chờ gì sắc ban ! Quân lính lại có bụng thương thầm sót vụng, nên vẫn đưa cơm nước giấu cho đỡ đói khát. Bọn quyền-thần hiểm độc biết chừng nào ! Họ thấy thế, họ lừa đưa thuốc độc vào cơm nước để cho mau chết ! Tình oan uổng như thế, ai nghe mà chẳng chau mày ? Một mình hoàng - thái hậu thảm sầu không biết bao giờ nguôi được ! Ngài phán rằng : « Đã không kiêng nể thì thôi ; thôi thì phó mặc, có trời xét xoi ». Thế là Thụy-công (tức Dục-đức) đã tính trước rồi. Còn Gia-hưng quận-vương cũng đến lượt « họa lai » : Đừng quên cậy thế là thân-thần, họ làm cho biết mặt, chẳng kiêng nể gì. Bởi vì quận-vương không biết giữ gìn, trong khi bị tai-vạ, lại mắc việc buồng the không cẩn, cho nên mới bị vòng hoạn-nạn : bắt về tội ấy thì tránh sao được ; Truyền thu cả chức tước mũ áo, bắt đổi theo họ mẹ, rồi đày ở Lao-bảo. Hoàng thái-hậu nghe rất thương tình phán rằng : « Làm thái-quá như vậy, không yên lòng ta. Vả chẳng pháp-luật cốt sửa ở trong nhà, không nên bày-tỏ tuyên bố cho người ta chê cười. Chức tước thì đã truất hết cả rồi, nên tha cho giữ phận, ngõ hầu coi đó mà sửa mình ». Phiến tâu rằng : Phép nước nếu làm nhẹ đi, thì đức hóa của nhà vua khó thi-hành mà khó trị được thần - dân. Phải làm cho biết phép nghiêm - ngặt, rồi sau dần dần ân - xá đại xá cũng được. » Thế là đở pháp - luật ra, dẫu có chỉ-truyền thánh-dụ, cũng không chịu tuân theo. Xưa nay kẻ quyền - thần đã chăm việc gì thì hay quả quyết : dẫu ai nói cũng không đặng. Một người thì đày ở Lao bảo, một người thì giam cầm ngục tối : ai nghe thấy mà chẳng thất kinh rụng rời

Pháp luật làm thái quá, vì trong chỉ chỉ chăm những sự tàn bạo, thà rằng một thác cho xong, chẳng thà chịu những sự nhục nhã cay chua ở đời, bọn quyền thần ráo trước dón sau đủ khóc. Việc người mà làm trái đạo như thế, thì đạo trời làm sao!.. Bấy giờ mới nghĩ đến việc tấn tôn từ đũ thái-hoàng thái-hậu là việc lớn, tâu rằng « Có di chiếu để lại những lời vàng ngọc; bấy nay vì việc nước rối loạn, nếu để chậm trễ nữa thì trong lòng không yên ». Thái-hậu phán rằng : « Việc ấy lấy khoan đã, phải lo việc nước cho xong, rồi hãy ». vua tôi tâu gửi hết mọi tình, xin cho cử hành lễ tấn-tôn trước. Tâu gửi đã hết lời, thái-hậu không có lẽ cố ý làm trái, bèn chọn ngày lành ở tốt vào tháng ba năm ất-dậu (1885) tôn làm Tử-dũ thái hoàng thái hậu Nhưng truyền dụ rằng : « Bàng bây việc mà thêm buồn, theo lệ cũ thì nhiều lễ nghi ; nay lễ-phần ở các nơi, đều bớt đi hết, vì lễ tốt ở lòng thành, chứ có ai dáng một chút gì đâu » Nghe dụ truyền, vua tôi đều lo buồn, hai ba lần lạy lục xin nhận một tấm lòng thành. Thế mà lượng trên ngài nhất định không bằng lòng, dẫu nào nỉ thế nào, ngài cũng không cho bày nhiều lễ-nghi ; nhưng vì có lời di-chúc, nên ngài phải nhận chức tấn tôn : cứ theo lệ, ban ân cho thần dân xa gần. Bốn phương rầm rộ vui mừng, chúc cho tuổi thọ của ngài được lâu dài nghìn năm.

(*Còn nữa*)

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) « Hạnh Thục ca » chép là Kỳ-anh ; Đại-nam liệt-truyện nhị tập (q 8, tờ 15b 16a) chép là Kỳ phong quận-công, tên là Hường Đĩnh con thứ hai mươi ba vua Thiệu-trị, (sinh năm thứ ba hiệu Thiệu trị 1843). Vốn người kiêu ngạo phong-túng, vua thường trách nặng thậm tệ. Năm thứ mười một hiệu Tự-đức (1858) được phong làm Kỳ-phong quận công, rồi vì việc thiện tiện đánh lính giữ cửa, bị phạt bổng hai năm. Năm thứ ba mươi mốt hiệu Tự-đức (1878), vì việc khinh phép cậy quyền nạt người đời của, bị giáng làm hoàng-tử, năm sau (1879) được gia ân khai phục. Đến tháng bảy năm 1884 vua Kiến-phúc mất, vua Hàm-nghi lên ngôi, phàm những lễ phát tang (để chỏ vua Kiến-phúc), thụ-tỷ (nhận ấn ngọc tỷ làm vua), tấn quang (lên ngôi vua) ông đều bỏ thiếu, chiếu luật làm tội « thác cố bất triều » (thác cớ không vào chầu) bị mất hết chức tước, phế làm thứ nhân, đổi theo họ mẹ. Năm ấy ông mất, thọ bốn mươi mốt tuổi (Sách Belvaux chép ông bị chết đói ngày 19 tháng 9 năm 1884). Sau khi mất, được khai phục tước Phong-hương-hầu, tên thụy là Cung-lượng, dựng đền ở phường thứ sáu huyện Hương-trà, đến năm 1886 được khai phục quận-công.

2) Phỉ-nhân là giặc.

3) U-dam là đam nhà tối

4) Tấu tử là gầy mà chết.

5) Thụy-công là ông Dục-đức.

6) Mão là mũ, bào là áo bào (áo dài, tay rộng).

7) Cải tòng mẫu tính là đổi theo họ mẹ : những người họ nhà vua bị tội nặng không được nhận làm tôn-thất, phải theo họ mẹ.

8) Ai Lao lưu hình là làm tội đầy ở Lao-bảo thuộc Quảng-trị.

(9) Hóa hành trị nhân là đem cái đức hóa của nhà vua để trị dân.

(10) Khoan là rộng-rãi, xá là tha.

(11) Khẳng là chịu.

(12) Khi vua Tự-đức mất ngày 19-7-1883, có giao cho Tôn thất - Thuyết và Nguyễn - văn - Tường phụ chính, nhưng vì hai người ấy ỷ quyền cậy thế, cất tên đặt xuống bốn tháng (từ tháng 7 đến tháng 11 tây năm 1883) ba vua (là Dục-đức, Hiệp-hòa và Kiến-phúc), cho nên người ta gọi là quyền - thần. Hiện còn câu đối truyền tụng như sau này : « nhất giang lưỡng quốc nan phân tuyết ; tứ nguyệt tam vương triệu bất tường » nghĩa là « một con sông mà hai nước thì khó phân trần mà nói được » đối với « bốn tháng ba ông lên làm vua là điềm chẳng lành ». Câu này chỉ cốt chữ « thuyết » đối với chữ « tường » mà nghĩa bóng cũng có ý hay, như vế trên, hạ chữ « nan phân thuyết » là tỏ ý Tôn-thất-Thuyết không chịu hòa. Về câu chuyện Thuyết và Tường, ta lại còn truyền-tụng một câu ca dao rằng : « Nước Nam có bốn anh - hùng : Tường gian, Viêm láo, Khiêm khùng, Thuyết ngu ». Tường là Nguyễn-văn - Tường, đã cùng Tôn - thất - Thuyết nhận phụ chính, đáng lẽ cả hai người phải đồng lòng giúp vua mới phải, thế mà chỉ có một mình Tường ký hòa với Tây, nên người đời cho Tường là gian dối. Viêm là Hoàng-tá-Viêm tức Kê-Viêm, đánh trận thua mà nói dối là được, nên gọi là láo. Khiêm là ông ích-khiêm, thật là người trung-trực, nên có nhiều việc ngang trái với người đời, người ta cho là điên-khùng. Còn Tôn-thất - Thuyết mà cho là ngu thì thật là sai lầm ; lúc bấy giờ nước ta đang lung lay về tay người Pháp, triều-đình đã phải giảng hòa, nếu ông cũng như ai, thì rồi cũng làm đến tể-tướng, phong đến tước vương, vợ đẹp con khôn, phả kia

ỦY-BAN VĂN-HÓA LÂM-THỜI BẮC-BỘ VIỆT-NAM

Về tối hát 9-9-43 giúp *Uy ban Văn Hóa* tại các giạp Tố Như, Ái Liên, Nhật Tân và Đại Quốc Hoa...

Tiền bán vé tại các rạp	9,712$
Tiền ông Vĩnh Thụy giúp	300$
cộng	10,012$

Tiền chi về thuê rạp và ban hát, in vé, sửa sang rạp hát quảng cáo, thuê người làm 2.432$

còn lại 7.585$

Uy ban Văn Hóa xin trân trọng cảm ơn các ông chủ rạp hát Tố Như, Ái Liên, Nhật Tân, Quốc Hoa đã đặt đại nghĩa trên lợi riêng mà dễ giúp. lại xin cảm ơn các ông chủ báo đã cổ động giúp và ban xa gần đã nhiệt thành ủng hộ nên mới được kết quả mỹ mãn như trên.

Uy ban Văn Hóa lâm thời
lai cảo

---

lần nọ, ra vào võng lọng nghênh-ngang, chẳng sung-sướng lắm ru! Nhưng ông nghĩ sung-sướng như thế là sung-sướng bề ngoài, mà phần tinh thần vẫn bị nhục vì la nô-lệ người ta, cho nên dù khổ sở đến đâu, khó-khăn thế nào, ông cũng một mực phò vua giúp nước, định khôi phục lấy giang sơn ngay bấy giờ, chẳng may thế-cục vãn-xoay, nên ông đành phải gửi nắm xương tàn ở nơi đất khách; ông mất ở tỉnh Quảng đông ngày 28-6-1913, thọ 78 tuổi. Đến ngày nay nước ta độc-lập, mới biết những hành-vi của ông, thật đáng làm gương cho người muôn năm về sau.-Nếu lúc bây giờ ai ai cũng như Tôn-thất-Thuyết thì làm gì mà vị quyền bảo-nộ hơn sáu mươi năm! Còn về sự phê-lập, mà đến nỗi thi nghịch, thì ai cũng công nhận là hành-vi tàn-bạo, nhưng đó là việc nội-trị, đây tôi không bàn đến. Vả lại, những việc vô nhân-đạo ấy không nằm là một mình Tôn-thất-Thuyết, thế nào cũng có Nguyễn văn-Tường mưu sự, cho nên các nhà làm sử xưa nay đều đổ tội cho hai Quyền-thần! Nhưng ta cũng không nên vin vào những hành-vi ấy mà làm giảm cái lòng ái-quốc của ông.

(13) Tàu là cay, toan là chua; ý nói khổ sở.

(14) Cố là định bậng, vi là trái.

(15) Đa nghi là nhiều nghi tiết.

(16) Doãn là chịu, nghe; đa là bằng lòng.

(17) Đàm là rộng, phu là ra. Khi nhà vua có việc vui mừng thường cho ân-chiếu ban cho thần dân, gọi là đàm ân.

VU PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 11)

Biểu chương, Tế cáo, Nội hàn, Hàn trát, Tấu nghị, Bi ký, Biện luận, Tạp trứ và *Đối liên*. Cái tài thơ văn của ông, vốn có tiếng lẫy lừng ở trong một thời. Ông Hoàng giáp Tam đăng Phạm văn Nghị đề tựa tập thơ văn Ngu sơn có nói thế này:

« Ông Đông dương ở Phượng trì là người bạn đáng sợ của tôi. Mắt cao vượt một thời, tâm hùng hơn muôn kẻ. Những thơ văn làm ra, dựng ý cao cả, đặt chữ cứng rắn, khiến người đọc phải khuất phục. Nhất là lối tứ lục càng sở trường lắm, có soạn tờ biểu khánh hạ cho các quan địa phương, được Hoàng thượng ngự phê rằng: « Thật là biểu biết rõ lòng ta. Xưa nay các quan từ hàn ở quán, các, chưa từng có ai làm được như thế ». Vào nội các 6 năm, ở sử quán 9 năm, phàm những việc soạn thuật lớn lao ở triều đình, phần nhiều đều do tay ông cả ».

Xem mấy lời ấy ta đã có thể thấy được cái tài văn học của Vũ phạm Khải như thế nào.

Ông là người có tài, nhưng phải cái tính cứng rắn và kiêu căng, vì thế ít hợp với mọi người, thường bị sự sàm báng nên hoạn lộ không thể tiến tới lên được, sau càng lại bị sự dàn bặc một cách rất khoảnh ác, để rồi phải bùi ngùi mà mất. Đối với thời cục nước ta hồi ấy, ông là người phản đối hoà nghị, bài « Hoà nhung luận » còn để lại, nói cái hại của triều Tống hoà với nhung địch khốc liệt là đường nào.

Đáng thế ở đây chúng tôi nên giới thiệu ít nhiều những văn thơ của ông, nhưng hiềm vì bài này đã quá dài rồi, vậy xin hẵng tạm hoãn đến một dịp khác.

TRÚC KHÊ

Phụ biên những sách vở đã nghiên cứu để viết bài này.

Ngu sơn niên phổ
Đại nam chính biên liệt truyện
Ngu sơn văn tập
Ngu sơn thi tập
Chư gia thi tập

BINH CHẾ TRIỀU MINH MỆNH

Tinh phong NGUYỄN TOẠI

Dưới triều Minh Mệnh, binh chế nước ta đã được quy định rõ ràng. Trải hai triều Thiệu-trị, Tự đức, không có điều thay, đổi gì quan trọng Trước thời Pháp thuộc, binh chế nước ta đại để như sau này:

Phép giản binh. — Các tỉnh nam trực (Quảng nam, Quảng ngãi) Bắc trực (quảng trị, Quảng bình) Tả kỳ (Bình định, Phú An, Khánh hòa, Bình thuận) chiều dân số nội tịch cứ ba xuất đinh lấy một người lính.

Sau tỉnh Nam kỳ, năm xuất đinh lấy một người lính.

Hữu kỳ (Hà-tĩnh, Nghệ an, Thanh hóa (và tám tỉnh Bắc kỳ (Hà nội, Hải dương, Nam-định, Sơn tây, Bắc ninh, Ninh bình, Hưng yên, Quảng yên) bảy xuất đinh lấy một người lính.

Còn các tỉnh. Hưng hòa, Tuyên quang, Thái nguyên Lạng sơn Cao bằng, mười xuất đinh lấy một người lính.

Việc giản binh giao cho lý trưởng các làng ứng hành. Lý trưởng phải chọn những dân nội tịch, thân thể cường tráng, nhà đông anh em; cấm không được thuê mượn những người ngụ cư, bắt ép những kẻ cô-đơn.

Mộ binh. Lại mộ những dân ngoại tịch sung vào các vệ đội ở Kinh làm thuộc binh của các quan văn võ, làm lính tuần thành, pháo thủ ở các tỉnh lỵ.

Niên lệ. Các lính sung ngũ, ở Kinh, Nam, Bắc trực và tả kỳ phải tại ngũ trong một hạn là mười lăm năm. Ở Hữu kỳ, và Nam Bắc kỳ, một hạn là mười năm. Hết một hạn, người lính có thể xin ở lại một hạn nữa

Hết một hạn mà về, người lính được miễn một nửa thuế thân và tất cả các dao dịch.

Người nào tại ngũ được hai hạn, tuổi đã quá năm mươi, khi thải hồi, được miễn tất cả các thứ thuế và dao dịch.

Ban lệ. Tùy việc có cần cấp hay không, binh lính tại ngũ chia ra làm hai, ba, bốn, năm, sáu, ban; chỉ lưu một ban tại ngũ, còn thời cho về nghỉ ở quê quán.

Binh ngạch. Năm tên lính là một ngũ, mười tên là một thập, năm mươi tên là một đội, năm trăm tên là một cơ, hay là một vệ. Ở các tỉnh miền bắc gọi là cơ, ở Kinh và các tỉnh miền nam gọi là vệ.

Chức chế. Mỗi đội có bốn ngũ-trưởng, bốn đội trưởng, một thư lại. Ở Kinh, mỗi vệ có một chánh vệ úy, một phó vệ úy, Năm vệ họp thành một doanh, có một Đô thống hay Thống chế. Ngũ quân, gồm nhiều vệ, có một Đô thống, hay Đô thống chưởng phủ.

Kinh kỳ thủy sư, gồm nhiều doanh, có một Đô thống và một đề đốc.

Ở các tỉnh, tỉnh lớn có một đề-đốc, một lãnh binh, một phó lãnh-binh, tỉnh nhỏ có một lãnh binh, một phó lãnh binh. Các cơ có một chánh quản cơ một phó quản cơ, một điều tú, mười xuất đội các lính mộ họp thành các đội tuần thành, pháo thủ ở tỉnh lỵ, có Thành thủ úy hay Phòng-thủ-úy cai quản.

Riêng ở Kinh đô, có các chức quan để phụng vệ đức Hoàng đế. 1) Đứng đầu là chưởng quản thị vệ đại-thần, dùng quan nhất nhị phẩm sung vào, bốn quan. Trực ban (tam, tứ phẩm) một quan nhất đẳng thị vệ (chính tam phẩm); còn từ nhị đẳng tới ngũ đẳng thị vệ có sáu mươi viên.

2) Cẩm y vệ. Chưởng vệ, vệ úy và phó vệ úy.

3) Kim Ngô vệ Tả chấp kim ngô, Hữu chấp kim ngô (đều chính tam phẩm) vệ úy, và phó vệ úy.

4) Loan giá vệ, Loan giá khanh (chính tam phẩm), vệ uý, và phó vệ uý. Thuộc vào vệ Loan giá, còn có ty Hộ vệ, ty Kinh Tất, ty Loan nghi, ty Kỳ cờ.

Quân hiệu ở Kinh đô. — Ở Kinh có ba hạng binh : Thân binh, Cấm binh và Tỉnh binh. Những lính này đều là người các tỉnh Bắc trực giở về Nam cả. Thân binh có :

1. Vệ Cẩm y, gồm 20 đội : 10 đội Túc trực, 5 đội Thường trực, 5 đội Trường trực ; sung việc hỗ thị đức Hoàng đế.

2. Vệ Kim ngô, gồm 10 đội, để thay đổi với lính Cẩm y.

3. Vệ Loan giá để hộ vệ lúc ngự giá, gồm 13 đội : 3 đội Loan nghi, 3 đội Dực vũ, 3 đội Dực chấn, 4 đội Dực đế.

4. Vệ Tuyền phong, gồm 10 đội, để Hoàng đế sai sử.

5. Doanh Vũ lâm, ngày đêm canh phòng, gồm có 10 vệ : 5 vệ Tả dực và 5 vệ Hữu dực.

Cấm binh có :

1. Năm doanh : Thần-cơ, Tiền-phong, Long-võ, Hổ-oai, Hùng-nhuệ ; mỗi doanh 5 vệ, mỗi vệ 10 đội Dùng để phòng vệ Kinh-đô, và cho ra ngoài đánh dẹp.

2. Bốn vệ Kỳ võ, chức sự giống như năm doanh kể trên.

3. Hai vệ Kinh-Tượng, chuyên quản đoàn voi.

4. Viện Thượng Tứ, gồm 2 vệ : Khinh kỵ và Phi kỵ, đều dùng kỵ binh (lính cưỡi ngựa).

5. Vệ Long Thuyền, gồm 10 đội.

6. Viện Võ bị có 50 tên lính mộ, đeo súng khảm vàng, bạc.

7. Viện Thượng trà, có 50 tên lính mộ, chuyên việc hầu trà.

8. Đội Tư Bác, có 50 lính mộ, chuyên làm thuốc súng

9. Đội Tài thụ (giồng cây), có 50 lính mộ.

10. Các đội Giáo dưỡng, dùng con các quan võ sung vào.

11. Vệ Võng-thành, có 10 đội, chuyên việc săn bắn.

12. Đội Thượng thiện, có 50 tên lính mộ, chuyên việc hầu cơm đức Hoàng đế.

13. Đội Phụng thiện, có 30 tên lính mộ, chuyên việc hầu cơm đức Thái hậu.

Tỉnh binh có :

1. Ngũ quân : Trung quân, Tiền quân, Hậu quân, Tả quân, Hữu quân. Mỗi quân 2 vệ.

2. Kinh kỳ thủy sư, coi tàu chiến, gồm ba doanh : Trung, Tả và Hữu ; mỗi doanh 5 vệ.

3. Vệ Giám thành, gồm 5 đội mộ binh để tuần thành.

4. Bốn vệ Thủ Hộ, Trung, tiền, tả và hữu trông nom các Lăng Tẩm.

5. Tám đội Dực Hùng, để các Hoàng tử, Hoàng thân sai phái.

6. Ty Lý thiện, có 3 đội, trông việc nấu ăn khi có yến tiệc.

7. Thự Hòa thanh, chuyên việc âm nhạc, có ba đội.

8. Thự Thanh bình, chuyên việc múa hát, có ba đội.

9. Những Thuộc binh ở các phủ, đệ, nha, thự ở Kinh đô

Quân hiệu ở các tỉnh. — Ở các tỉnh, quân hiệu đều dùng tên tỉnh. Ví dụ như tỉnh Gia-định, có 2 vệ, gọi là Gia định ; 10 cơ thủy vệ gọi là : Trung, tiền, hậu, tả, hữu, Gia cơ, và Trung, tiền, hậu, tả, hữu, Định cơ.

Các cơ binh ở các tỉnh, thiết lập vì việc riêng, thời có tên riêng. Ví như ở Quảng ngãi có cơ Tĩnh man để đánh dẹp bọn mọi.

Ở nhiều tỉnh, binh lính lại thuộc quyền các võ quan ở kinh đô kiêm quản, các cơ vệ ấy cũng đều có tên riêng. Các tỉnh và các vệ, cơ ấy là :

Tỉnh Hà tĩnh có năm vệ : Dũ võ, Dương võ, Tiệp võ, Chấn võ, Minh võ, thuộc quan Đô thống doanh Thần cơ kiêm quản

Tỉnh Nghệ an có mười vệ. Năm vệ : Hoàn võ, Phấn võ, Trung võ, Trang võ, Thắng võ thuộc quan Đô thống doanh Tiền-phong kiêm quản. Năm vệ : Nghị võ, Điện võ, Tuyện võ, Định võ, Nghiêm võ, thuộc quan Đô thống doanh Long võ kiêm quản.

(Còn nữa)

Tinh phong NGUYỄN TOẠI

HỒ CHÍ MINH

(Tiếp theo trang 8)

Sợ ngồi lâu làm nhọc lòng cụ, tôi vội vàng xin cáo lui, đứng lên bắt tay tôi cụ chủ tịch còn nói thêm :

— Tôi xin chúc quí báo trường-cửu để theo đuổi công việc văn-hóa và sát cánh với chính phủ để củng-cố nền độc-lập.

Tôi cúi chào ra khỏi phủ lòng thấy phấn khởi, bốn chữ « củng-cố nền độc-lập » như in sâu trong trí não tôi cũng như bình ảnh của nhà ái quốc đã bao phen gian nan vất vả về hai chữ « Độc-lập »

NGUYỄN TƯỜNG PHƯỢNG

BÔ THÂN QUỐC ÂM CA ?

(Tiếp theo trang 6)

Ngồi mà nghĩ thêm sầu lại tủi,
Nước Nam ta gặp buổi chuân-chiên,
Gã Man quen thói ngu hèn,
Cũng như Minh-Trị dĩ tiền mọi năm.
Từ nước pháp đem tâm bảo hộ,
Mở trí khôn mới độ một và.
Non sông thẹn với nước nhà,
Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
Việc dây thép, việc tầu, việc pháo,
Việc luyện binh, việc giáo học trường,
Việc kỹ nghệ, việc thông thương,
Việc khai mỏ đất, việc đường hỏa xa.
Giữ các việc chẳng qua người nước,
Người chức bồi, người tước cu-ly.
Thông ngôn, ký lục chi chi,
Mãn đời lính tập lộn vì quan sang.
Thuế các chợ, các làng tăng mãi,
Hết đinh, đền, rồi lại trâu, bò.
Thuế chó cũ, thuế lợn lò,
Thuế đâm, thuế rượu, thuế đò, thuế xe.
Thuế các chợ, thuế chè, thuế thuốc,
Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn.
Thuế nhà cửa, thuế chùa triền,
Thuế rừng xẻ gỗ, thuế thuyền bán buôn.
Thuế gò thuế bãi, thuế ồn,
Thuế người chức sắc, thuế con hát đàn.
Thuế dầu, mật, thuế sơn mọi chỗ,
Thuế gạo, rau, thuế lúa, thuế bông.
Thuế tơ, thuế sắt, thuế đồng,
Thuế chim, thuế cá, khắp trong luống kỳ.
Phiền rạng thuế kể chi cho xết,
Thuế xia kia mới việc lạ lùng.
Thôi thì thôi cũng dầu lòng,
Cha con tủi nhục, vợ chồng lìa tan.
Cũng có lúc bầm gan tím ruột,
Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra.
Cũng xương, cũng thịt, cũng da,
Cũng hòn máu đỏ giống nhà Lạc long.
Thế mà chịu trong vòng trói buộc,
bốn mươi năm nhơ nhuốc lầm than.
Thương ôi Bách Việt hà san,
Văn minh có sẵn khôn ngoan có thừa.

> Tên chúng ta sẽ ghi trong « sổ vàng » những người đã chiến đấu cho nền Độc Lập nước Việt-Nam.
>
> Vì: chúng ta đã cương quyết hy sinh tính mệnh chống ngoại xâm, chúng ta đã mang *vàng* ra bỏ vào quỹ Độc Lập.

Hồn mê mần tỉnh chưa chưa tỉnh,
Anh em ta phải tính sao đây?
Nhật là họ, Pháp là thày,
Trí khôn phải học, nghề hay phải tìm,
Việc tân học sắp đem những trước,
Hội dân-đoàn cả nước với nhau.
Việc buôn ta lấy làm đầu,
Mọi nghề cũng ghé địa cầu một vai.
Bài giờ kể còn dài chưa hết,
Chữ tự do hãy kết một lòng,
Gương Nhật bản đất Á-đông,
Giống ta ta phải soi chung kẻo mà.
Ó học thức dần đà mở rộng,
Hẳn Lãng sa rồi cũng nể-nang,
Có khi đặt chữ bình hàng.
Đem thân nô lệ làm phường văn minh,
Kia thuở trước như Anh, Pháp, Đức,
Cũng chẳng qua cùng cực tắc thông,
Họa may trời có chiều lòng,
Việt-nam đứng lại phương Đông một mình,
Thân phiên-bang đã đành vô lại,
Bấy nhiêu năm Thượng-hải, Hoành-tân,
Trinh Nga nhân buổi hoàn quân,
Sót mình bô bá theo chân khải hoàn,
Bưng chén rượu ân ban hạ tiệp,
Gạt hàng châu khép nép qui tâu,
Trời Nam mù mịt ngàn giâu,
Gió thu như thổi đạ sầu năm canh,
Biết bao nỗi bất bình khôn giải,
Mượn bút hoa mà gửi quốc âm,
Thân già bao quản cát lầm,
Khuyên ai đúc chữ đồng tâm sau này.

THI NHAM *sao lục*

KỊCH DÀI BẰNG THƠ

Yêu-Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 4

Quân Sư

Lời nhà dạy, lão phu xin thừa-mạng.
Yêu-tiêu-sinh đã tròn năm dặp tháng
Minh công tôi dụng ý kiến người tài;
Nợ anh-hùng quyết mới bạo ghé vai;
Trời đất rộng khôn mò kim đáy bể —.
Hồng-phúc lớn bỗng một ngày nghe tiếng
Yêu tiên sinh ngả lần đặt nơi đây,
Nhà gia vu như ngự-uyển xuân đầy
Thân tìm đến để mong ngài ra giúp
Tình bẩn nặng với non sông gấm vóc,
Đây giang-sơn đương lúc rạc cuồng-phong,
Thân nam-nhi ngài đâu nỡ ngơ lòng.
Trước việc lớn đương cần vai gánh vác,
Minh công tôi mong thỏa lòng khao-khát,
Gặp nhau đây ngài ngại lại cùng chăng?

Yêu Ly

Ôi sá-chi một hàn-sĩ thấp hèn
Mà tôi chúa phải dời xa ngọc-thế!
Chốn lều cỏ tôi đã cam thất lễ.
Minh-công còn làm tội kẻ ngu-si.
Ôi thế ra.
Đường quan-san Minh-công với ngài đi
Cả là để tìm Ly giao trọng trá!
Tên Yêu-Ly, tên một người áo rách!
Sức Yêu Ly không trói nổi gà con!
Giang-san Ngô thiếu gì kẻ anh hùng,
Vương không triệu lại tìm nơi hàn-sĩ!

Ngô-hạp-Lư

Yến-Công ơi! ngài rộng lòng xét kỹ
Bên lưng ta Khánh kỵ luyện hùng-binh
Sức muôn quân thôi chuyển núi lay thành,
Bên Ngô quốc Yêu Ly đành nhắm mắt.
Yêu Ly! Yêu Ly! lòng lim dạ sắt!
Phụ tử là người phụ cả non sông —

Yêu-Ly

Nhưng cúi đầu hàn-sĩ lạy chúa-công,
Kiếm chi kẻ bất-tài ra giúp nước!

Võ-tướng

Ngô-hầu biết chuyện ngài đây độ trước
Trong thôn nữ giữa tiệc mâng Tiêu-Khâu,
Gã can trường dẫn đợi đến đêm thâu
Mang dao tới cửa ngài toan rửa bậu;
Một lời nói hơn nghìn cân sức nặng,
Mâng Tiêu-khâu ngài trừ gã kêu căng
Tiếng khen ngài từ đó mấy phương vang.
« Dăm câu nói đủ làm tan vũ lực »
Nay Ngô-chủ lo cầu-nhân mạnh sức
Kiếm tôi hiền mưu trừ dứt cơ nguy,
Gót vương gia gai góc không quản gì,
Cầu nghĩa-sĩ chẳng nài bao dặm sá

Yêu-Ly

Ồ ngày nọ chết Tiêu khâu là tại gã
Tính can-trường nên tức khí lời tôi.
— Chuyện trong làng ở giữa ngu-dân thôi.
Căn cứ đó gọi tài-năng, ôi chớ kể.
Tay một gáo tát sao rồi lượng bể!
Mà tướng quân sao lời nói quen quen?
Ở đâu rồi Ly có gặp vài phen?

Võ-tướng

Trong bữa tiệc có Tiêu-khâu ngày nọ,

Đông quan-khách nên ngài không nhớ rõ...
Tiền-tướng theo về dưới trướng Ngô hầu
Đem truyện ngày lời nói khoát Tiêu-khâu
Để giới-thiệu với hầu tay trí-sĩ
Hầu lo nỗi mai một tiếng nghĩa-khí
Thân tôi đây, ngài chớ ngại-ngùng chi.
Thôn nhỏ nầy không phải chỗ Yêu-Ly
Mưu đại sự để bù khi ẩn nấp

Ngô-hạp-Lư

Tình thâm-trọng suốt đời xin báo đáp :
Đã ngang hàng, chia giường nọ mâm kia.
Nghiệp-bá thành, nghiệp-bá sẽ cùng chia
Không thành nghiệp, ta sẽ cùng rau cháo
(Yêu Ly vuốt trán suy nghĩ)

Quân sư

Lòng quân-tử không màng chi mũ áo,
Nhưng trượng-phu nghĩa lớn há làm ngơ ?

Võ-tướng

Giỏ lên đây mà cờ thần nhiên cờ.
Vầng gươm sáng rỉ màu nơi xô vách !

Ngô-hạp-Lư

Yêu-Ly, Yêu-Ly ! Ngàn trùng đậm khách,
Ta với người kỳ-ngộ há vô duyên ?

Quân-sư

Đào đây tìm rải muôn lớp sơn xuyên,
Trải mưa nắng... để cầm tay lạnh giá !..
Đành phú-quý lòng cao không kể sá.
Nhưng *kiến nghĩa bất vi sao thể gọi anh-hùng ?*

(Còn nữa)

LƯU-QUANG-THUẬN

BÁO MỚI

Chúng tôi vừa được tin báo « VĂN MỚI » do ông Trương Tửu chủ trương sẽ ra số đầu vào ngày 23-9-1945.

Báo chuyên bàn về các vấn đề xã hội và văn nghệ mỗi tuần ra 2 kỳ thứ năm và chủ nhật.

Xin vui lòng giới thiệu với các bạn đọc và chúc bạn đồng nghiệp được trường tồn.

TRI TÂN

TRI-TÂN TẠP-CHÍ
RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 205

Nửa giờ với chủ tịch Hồ-chí-Minh — *Nguyễn tường-Phượng*
Ngày Độc-Lập — *Thịnh-Quang*
Cuộc bội-đàm giữa cụ Hồ chủ tịch với ba đại biểu liên đoàn Văn hóa — *U.B.V.H.L.T.B B.V.N.*
Bô thần quốc âm ca ? — *Thi-Nham*
Một vị danh thần triều nguyễn (hết) — *Trúc-Khê*
Việt nam văn học sử (XVIII) — *Ứng-hòe*
Hạnh thục ca (VIII) — *Nguyễn-văn-Tố*
Binh chế triều Minh mệnh (I) — *Nguyễn-Toại*
Kịch yêu-ly (IV). — *Lưu-quang Thuận.*

***

GIÁ BÁO

Một năm	55 $ 00
Sáu tháng	30 , 00
Ba tháng	15 , 00
Một số	1 , 20

***

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội

***

Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương

TRI TÂN TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định của U. B. N. D. B. B. ngày 7 tháng chín 1945
Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng — Nhà in Tri-Tân số 95—97 phố Đông Tân Hanoi